

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **745/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/8/2022

V/v tranh chấp “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Minh.

2. Ông Nguyễn Văn Y.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang  
tham gia phiên tòa:** Bà **Lương Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 402/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2022 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 118/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Hà Thị G**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp VP, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị G, vắng mặt anh U)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 15/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Hà Thị G** trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn U chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 04/5/2014.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi chị G mang bầu con chung thứ hai vào năm 2016 thì đôi bên phát sinh mâu thuẫn, do anh U thường rượu chè, không quan tâm chăm sóc vợ con, anh còn ham mê cờ bạc. Mỗi lần đi nhậu về, anh U kiếm chuyện chửi và đánh chị. Chị và anh U sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị G yêu cầu được ly hôn với anh U.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 13/01/2014 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 10/7/2016. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu N, chị đồng ý để anh U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D. Đôi bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mà mình không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh U được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở. Đồng thời, chị yêu cầu được thăm nom, chăm sóc con chung D theo luật định mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị G trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Văn U vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị G.

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

Chị G vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Anh U vẫn vắng mặt không lý do.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn U nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh U.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*”.

[3] Về hôn nhân:

Chị Hà Thị G và anh Nguyễn Văn U xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 14/5/2014.

Tại phiên tòa, chị G trình bày nguyên nhân xin ly hôn với anh U là do anh U là người chồng, người cha thiếu trách nhiệm với vợ, con. Trong quá trình chung sống, anh U không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, mọi việc liên quan đến cuộc sống gia đình, con chung do một mình chị gánh vác. Hơn nữa, anh U thường tụ tập bạn bè tổ chức nhậu nhẹt, say xỉn về nhà kiểm chuyện chửi và đánh chị. Chị nhiều lần khuyên anh U nên sửa đổi tính tình theo chiều hướng tốt hơn để vợ chồng cùng lo cho con chung, nhưng anh U không nghe lời chị khuyên. Do không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh U, nên đầu năm 2017 chị cùng con chung Trọng N dọn ra sống riêng cho đến nay. Chị ly thân với anh U từ thời gian đó đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị kiên quyết ly hôn với anh U, mong Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu này của chị.

Về phía anh U, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa, nhưng anh nhiều lần vắng mặt và cũng không gửi văn bản phản hồi đối với các yêu cầu khởi kiện của chị G. Điều đó cho thấy, anh U không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị G.

Qua xác minh tại địa phương, được biết anh U và chị G đã không còn sống chung khoảng 04 năm nay (bút lục 23).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin được ly hôn anh U của chị G là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 13/01/2014 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 10/7/2016. Qua xác minh được biết Mỹ D hiện đang sống cùng với anh U, bản thân anh U có nghề nghiệp (bút lục

23), chị G cũng thống nhất giao con chung Mỹ D cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Đối với con chung Trọng N, từ lúc hai người ly thân đến nay, Trọng N do chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị G có nghề nghiệp ổn định (bút lục 26). Từ đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Mỹ D cho anh U, con chung Trọng N cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh U được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung Nghĩa theo luật định mà không ai được cản trở; chị G được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung D theo luật định mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh U tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung N do chị G chưa có yêu cầu. Chị G tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung D, do anh U chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

- 1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị G.
- *Về hôn nhân*: Chị Hà Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.
- *Về con chung*: Có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh ngày 13/01/2014 và **Nguyễn Trọng N**, sinh ngày 10/7/2016.

Giao con chung Mỹ D cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành; giao con chung Trọng N cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, chị G được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung D theo luật định mà không ai được cản trở; anh U được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung N theo luật định mà không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị G tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi D; anh U tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi N.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Chị G phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020448 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Chị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Kim, H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**HUỲNH THỊ TRÚC MAI**